TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 670/2024/HS-ST
Ngày: 12/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đậu Thị Mỹ Long – Hiệu trưởng trường tiểu học An Hòa.

2. Ông Phan Anh Dũng – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 674/2024/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 670/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn X, sinh ngày 18/6/1988 tại Hải Dương.

Nơi cư trú: Tổ I, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1963 và Phạm Thị S, sinh năm 1965; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em; có vợ tên Đỗ Thị T1, sinh năm 1989 và chưa có con; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 06/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị can chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2022.

Nhân thân:

Ngày 20/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị can chấp hành xong bản án ngày 28/01/2015.

Ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng 25 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị can chấp hành xong bản án ngày 21/10/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/4/2024. Hiện bị đang tạm giam tại Trại tạm giam B5 Công an tỉnh Đ.

- *Bị hại:* Cháu Đinh Nữ Như N, sinh ngày 2/3/2007.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đinh Thị G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

(Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 gờ ngày 18/4/2024, Bùi Văn X cùng các bạn là anh Trương Thế N1 (sinh năm 1998, đăng ký thường trú tại: Thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình) anh Trần Tuấn K (sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại: tổ A, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai) chị Cao Thị H (sinh năm 2006, đăng ký thường trú tại: thôn E, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình) đến phòng trọ số 9, địa chỉ số D, tổ E, khu phố H, phường L, thành phố B do cháu Đinh Nữ Như N (sinh ngày 22/3/2007, nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố I, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình) thuê để ở và cả nhóm cùng tổ chức ăn uống (rượu và bia). Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, anh K, anh N1 và chị H có việc cá nhân nên đi ra ngoài, còn X và cháu N ở lại phòng trọ số 9. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đã ngấm men rượu nên cháu N nằm ngủ tại phòng số 9. X nhìn thấy cháu N nằm ngủ một mình và đã say rượu thì nảy sinh ý định giao cấu với cháu N nên X ra đóng cửa phòng trọ lại, cháu N tỉnh dậy thấy vậy liền yêu cầu X không đóng cửa để chờ anh N1, anh K và chị H về, nhưng X vẫn đóng cửa lại. X đi lại nằm gần chỗ cháu N, kéo cháu N nằm ngửa rồi hôn, cởi áo nhưng cháu N không đồng ý và dùng tay đẩy X ra. Do cháu N trong tình trạng đã say rượu, không đủ sức chống cự, X đã 01 lần hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn cháu N.

Sau khi thực hiện hành vi giao cấu, X bỏ đi. Cháu N vào nhà vệ sinh nhắn tin cầu cứu anh N1, chị H và gọi điện thoại cho ông Võ Xuân T2, (sinh năm 1961, trú tại 37/22, khu phố H, phường L, thành phố B, là bảo vệ dân phố khu phố H,

phường L) trình báo sự việc. Sau khi nghe cháu N mô tả đặc điểm nhận dạng của X, ông T2 phát hiện bắt giữ X gần phòng trọ của cháu N và báo Công an phường L lập hồ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

- Tại bản Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 0369/KLTD-TTPYĐN ngày 22/4/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y, kết luận cháu Đinh Nữ Như N bị tổn thương như sau:

Màng trình: Hình chóp, đường kính lỗ trinh 01cm. Màng trinh rách cũ vị trí 07 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

Kết quả xét nghiệm: Có tinh trùng trong dịch âm đạo.

- Tại bản Kết luận giám định số 2606/KL- KTHS ngày 29/5/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện tinh dịch, tinh trùng người trong mẫu dịch âm đạo thu của cháu Đinh Nữ Như N.

- Tài sản thu giữ: 01 quần lót màu đen, 01 áo thun màu đen ngắn tay, 01 quần short Jeans màu xám, là tài sản của cháu Đinh Nữ Như N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Cháu Đinh Nữ Như N yêu cầu Bùi Văn X bồi thường số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo chưa bồi thường cho cháu N.

Tại Cáo trạng số: 657/CT-VKSVC ngày 13/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Bùi Văn X về tội *"Hiếp dâm"* theo khoản 4 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "Hiếp dâm";

Áp dụng khoản 4 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về dân sự buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000đ và yêu cầu Tòa án giải quyết về hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 13 giờ ngày 18/4/2024, tại phòng trọ số 9, địa chỉ số D, tổ E, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do cháu Đinh Nữ Như N (sinh ngày 22/3/2007) thuê để ở, Bùi Văn X đã 01 lần thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn của cháu N, thì bị phát hiện bắt giữ xử lý. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu, lời khai của bị hại và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Hiếp dâm" theo khoản 4 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.2] Về tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Tại thời điểm giao cấu thì cháu Đinh Nữ Như N trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo khoản 4 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tình dục trẻ em gây hậu quả xấu cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000đ và bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn X phạm tội "Hiếp dâm".

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn X 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2024.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn X phải bồi thường cho bị hại Đinh Nữ N2 Nguyệt số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn